

I.

Cha và ông ngoại bị quan binh Tây bắt giam



Cuộc nổi dậy Xô viết Nghệ - Tĩnh 1930-1931, tôi còn tuổi ấu thơ.

Làng Kim Lũy quê tôi⁽¹⁾ là một “điểm Xô viết”, vùng bãi ngang của miền biển huyện Diễn Châu, Nghệ An.

Tôi chỉ còn nhớ quan binh Tây, lính Nam, quân họ đạo kéo vào làng, đến vây quanh nhà, lùng bắt cha tôi.

Mẹ tôi nói:

– Ông nhà tôi đi Thanh Hóa, để gặp các ông trùm vạ lưới của hai cửa lạch Bạng, lạch Ghép, kết giao với vạ lưới lạch Cờn, lạch Vạn Nghệ An.

(1) Nhà văn Sơn Tùng (1928-2021) tên khai sinh là Bùi Sơn Tùng, bí danh: Ái Thanh; bút danh: Sơn Tùng, Sơn Phong. Ông sinh ngày 8-8-1928 tại làng Hoa Lũy (nay là xã Diễn Kim), huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Ông là thương binh nặng, hạng ¼, là Anh Hùng Lao động (2011). Ông từ trần ngày 22-7-2021, thọ 93 tuổi.

Chúng sục sạo khắp nơi khắp chốn trong nhà, ngoài vườn. Bên hàng xóm tiếng lính Nam, tiếng quân họ đạo quát tháo om sòm.

Ông lí trưởng làng Kim Lũy nói với quan Tây qua viên thông ngôn, giọng run rẩy:

– Bẩm quan lớn... đúng là... ông Bùi Phú đi công việc cho... phường vạ lưới. Vì ông ấy là... trùm của vạ lưới vùng bãi ngang... từ lạch Vạn ra lạch Cờn... thuộc Diễn Châu phủ và Quỳnh Lưu huyện ạ.

Rồi ông lí trưởng quay lại nghiêm giọng, gay gắt với mẹ tôi:

– Bà phải nhớ, lúc ông ấy về là phải tới trình diện ngay...

Cả làng nhốn nháo, khóc không ra tiếng.

Chị gái dẫn tôi cùng đi với đám đông, ngóng theo ông Trương Đức Đại hai tay bị trói quặt ra sau lưng. Chúng điệu ông ra khỏi cổng làng thì các ông hương lí xua đuổi bà con trở về.

Tôi ngơ ngác níu cánh tay chị gái của mình quay lại, tai vẫn nghe rõ những tiếng ồm ồm trong đám quan Tây, quan ta:

– Phải bắt cho kì được Trương Đức Hạp⁽¹⁾, Nguyễn Bách, Bùi Phú⁽²⁾...

(1) Cụ Trương Đức Hạp là em ruột bà ngoại nhà văn Sơn Tùng.

(2) Cụ Bùi Phú (1896-1937) là thân sinh của nhà văn Sơn Tùng. Cụ là một trong những người sáng lập chi bộ Đảng đầu tiên của xã Diễn Kim năm 1930.

* * *

Còn trẻ thơ, nhưng tôi thường tỉnh ngủ. Đang ngủ sâu giấc mà có tiếng động, tiếng chó sủa là tôi thức giấc.

Từ hôm quan Tây, lính Nam kéo về làng bắt những người được bà con gọi là “các bậc tai mắt”, cướp của mang đi, tôi ngủ bên cạnh các anh trai mà vẫn nơm nớp sợ, hay giật mình tỉnh giấc.

Lúc tỉnh dậy trong khuya, thấy mẹ tôi cùng với người chị gái và mấy người nữa đang lúi húi dưới ánh đèn mờ mờ, nấu cơm, gói thức ăn chín, muối vừng, rót nước nguội vào bầu...

Mẹ tôi xếp các thứ vào hai cái thúng, đặt vào quang. Chị tôi ghé vai gánh, đi cùng với mấy người lớn tuổi, lẩn vào bóng đêm.

Mẹ tôi tắt đèn!...

Tôi cảm thấy nơm nớp, thấp thỏm lo lo!

Tôi lẩn đi trong bóng tối, sang giường mẹ. Mẹ tôi thăm thì:

– Con thức... thức lâu chưa?

– Dạ... con dậy từ lúc mẹ lên đèn và chị Đoan dẫn mấy chú vào nhà.

Tôi nằm ôm lưng mẹ, ghé tai mẹ hỏi:

– Dem cơm nước cho bố... hả mẹ?

Mẹ tôi đặt nhẹ bàn tay lên miệng tôi, nói khe khẽ:

– Con biết vậy. Con chớ bao giờ hỏi, nhớ nhá!...

* * *

Ít lâu sau, tôi nghe lỏm mới trộm biết, cha tôi và cụ đồ Trương Đức Hạp ẩn nấu ngoài đảo Mắt. Đêm đêm, thuyền từ trong bến bí mật ra đảo tiếp tế cơm nước...

Cứ dăm ba ngày, lại thấy các ông hương lí đến nhà dò xét, lục vấn mẹ tôi về tung tích cụ Trương Đức Hạp và cha tôi.

Họ không quát tháo như những lần trước, ông lí trưởng nói như dỗ dành:

– Thầy Trương Đức Hạp tuổi cao, cả đời thầy chỉ có bút nghiên, đèn sách. Nắng táp, mưa sa chẳng hề chạm đầu, bèn gót thầy. Ông Bùi Phú là chủ tế, là trùm vạn, bậc tiên chỉ của làng, ai ai đều nể vì. Nào ngờ thầy Hạp, ông Phú lại dính vào vụ Cộng sản này. Với đạo nghĩa thầy trò, hương lí chúng tôi sẽ bắm lên quan trên miễn trừ cho thầy Trương Đức Hạp và ông Bùi Phú. Các ông Hoàng Sơn, Lê Bá Trục được miễn trừ rồi...

Hôm sau, một buổi tôi đang nằm hóng mát gió biển, anh trai tôi nói thăm vào tai tôi:

– Anh đi theo mấy chú ra bến Vạn trên đón ông ngoại và bố ta về...

Bấy giờ, tôi mới hiểu cái việc từ chiều thấy các ông chú sắc trong làng gặp mẹ tôi.

Sau khi họ đi khỏi, các chú tôi và các ông lão ngư đến, trời đã tối. Anh cả tôi là Bùi Sơn Bá cùng đi ra biển với các chú tôi.

Cái đêm ấy, mẹ tôi, chị em chúng tôi không ai ngủ. Đĩa đèn phải ba lần tiếp thêm dầu. Gần sáng, anh trai tôi từ cửa biển chạy về, giọng hốt hải:

– Mẹ ơi!... Ông ngoại... Bố con bị họ bắt... đem đi mất... rồi.

Mẹ tôi đứng dậy, vịn vào cây cột cái giữa nhà, đứng sững. Chị em chúng tôi khóc... mếu máo!... Mẹ tôi giọng đanh dần từng tiếng:

– Lúc nãy... các con phải cứng cỏi... không... được khóc!

Các chú tôi và nhiều người lần lượt đến đây nhà. Mẹ tôi lặng lẽ tằm trâu mời khách.

Hai ông hương kiểm, hương bộ của làng đến, mọi người tản ra sân, ra ngoài vườn... Họ nói với mẹ tôi:

– Thầy Trương Đức Hạp, ông tiên chỉ Bùi Phú dính vào chuyện Cộng sản nên phải áp giải lên Diễn Châu phủ⁽¹⁾. Ông lí trưởng, ông chánh hương hội của làng cùng lên phủ để bẩm báo với quan phủ, xin quan trên mở lượng hải hà mà miễn tội cho.

(1) Phủ Diễn Châu, nay là huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Qua hai mươi ngày... Từ hôm ông ngoại và cha tôi bị bắt đưa đi, mẹ tôi, cả nhà, cả làng chúng tôi đếm từng ngày!

Đến ngày thứ hai mươi, trên phủ tư giấy về làng Kim Lũy:

“Trương Đức Hạp chết trong đê lao, cho thân nhân nhận về chôn cất tại bản quán.

Bùi Phú cho về, quản thúc...”

Cái thảm cảnh làng tôi, gia đình tôi thuở ấy không bao giờ phai mờ!

2. Năm lên tám tuổi



Năm 1936, cha tôi qua hạn quản thúc.

Từ năm 1936-1937, những nhà cách mạng bị giam trong các ngục tù lần lượt được trở về.

Cha tôi luôn đón khách, bạn mới ở tù về.

Khách ở xa thường lưu lại đàm đạo mấy ngày liền.
Cha mẹ tôi căn dặn:

– Con còn nhỏ mà sớm có ý tứ, lanh lẹ và cũng sáng dạ. Cha tiếp khách quý thì con được quanh quần bên cạnh để cha sai bảo...

Chính cái việc hầu trà, điều đóm giúp cha tiếp khách này, đã tạc vào tâm khảm tuổi thơ tôi được nhiều câu chuyện đàm đạo giữa cha tôi với các bạn tâm phúc, tương tri...

Người mà khi ra tù về làng, cha tôi đến thăm đầu tiên là ông Võ Mai⁽¹⁾ làng Vạn Phần.

Làng Vạn Phần giàu nhất vùng biển Diễn Châu, có hàng trăm thuyền lưới rút, lưới rê và nước mắm đặc sản Vạn Phần nổi tiếng.

Tôi được đi “hầu tráp” cha từ làng Kim Lũy quê tôi sang làng Vạn Phần cách một cánh đồng dâu, cánh đồng lúa và một bến đò ngang của con sông “kênh nhà Lê”.

Cha tôi căn dặn:

– Nhà bác Võ Mai gần đền Ca Vũ. Đến nhà bác Võ, con có thể sang đền, nếu đền mở cửa, con xin ông từ vào chiêm ngưỡng tượng thần, ngắm phong cảnh đền. Nếu không ra đền, con kính chào bác Võ xong, con lui ra phía cửa, ngồi ngoài hành lang.

Tôi lãnh hội được ý nhị của cha, cho nên tôi ngồi ngoài hành lang nghe lỏm chuyện, chú không sang đền Ca Vũ.

(1) Võ Mai (1893-1985) là một chiến sĩ cách mạng nổi tiếng đất Diễn Châu, còn có tên là Quốc Hoa. Ông sinh năm 1893 tại làng Vạn Phần (nay là xã Diễn Vạn) huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Thân sinh ông Võ Mai là cụ Võ Tất Đắc (quan huyện), bạn thân giao với cụ Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Bác Hồ), cụ tú Bùi Xuân Phong. Năm 1926 ông được cử đi học lớp chính trị ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cùng đi có Trần Phú, Lê Duy Điếm, Trần Văn Cung, Nguyễn Đình... Lớp học này do Lý Thụy (Nguyễn Ái Quốc) phụ trách. Tại lớp học này ông được kết nạp vào Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội. Tháng Tám năm 1945, ông là Ủy viên Ủy ban khởi nghĩa giành chính quyền ở Nghệ An, Ủy viên Tỉnh ủy Nghệ An. Từ năm 1946 cho đến khi nghỉ hưu, ông được giao nhiều trọng trách: Trưởng tỉ Công an, Ban Kiểm tra của Khu ủy Liên khu Bốn, Ban Thanh tra tỉnh Nghệ An... Ông mất ngày 17-8-1985.

Bác Võ Mai và cha tôi nói chuyện lúc nghe rõ, lúc trầm giọng, tiếng rõ, tiếng mờ... Lại có khi nói bằng chữ Nho cả câu, tôi nhớ được nhưng chẳng hiểu gì.

Sau bữa cơm trưa đạm bạc, bác Võ Mai tiễn chân cha con tôi tới bến đò.

Trên đường về, tôi hỏi cha tôi:

– Thưa bố, bác Võ Mai với bố, ai nhiều tuổi hơn mà con thấy bác Mai và bố đều gọi nhau bằng bác?

– Bác Võ Mai tuổi Quý Tị⁽¹⁾, bố tuổi Bính Thân⁽²⁾. Bác Võ Mai hơn bố ba tuổi, là bạn cùng lứa tuổi, gọi nhau bằng bác là quý trọng nhau. Gọi “bác” đây có một ý tứ nữa, là gọi thay cho các con của mình.

Tôi lại hỏi:

– Bố ơi, bác Võ Mai nói với bố câu chữ Nho:

Quân tử đạo giả tam, ngã vô năng yên

Nhân giả bất ưu, trí giả bất hoặc, dũng giả bất cụt.

Con nhớ được mà chưa hiểu, bố ạ.

Cha tôi cười, nói:

– Chưa biết hết mặt chữ mà con nhớ trọn cả một câu Hán tự. Bố rất mừng.

Còn nghĩa câu ấy là: *Đạo làm người quân tử có ba điều, mà ta đâu có làm được.*

(1) Năm 1893.

(2) Năm 1896.

Ba điều là: “*Nhân giả bất ưu*”, nghĩa là, *người có đức nhân thì chẳng có việc gì phải lo buồn.*

Điều thứ hai là: “*Trí giả bất hoặc*”, nghĩa là, *người có đức trí thì chẳng có việc gì mê hoặc được mình.*

Điều thứ ba là: “*Dũng giả bất cụt*”, nghĩa là, *người có đức dũng thì không có việc gì sợ hãi cả.*

Tôi hỏi tiếp:

– Bố ơi, bố nói với bác Võ Mai: “*Kiến nghĩa bất vi vô dũng giả*” nghĩa là gì, hả bố?

– Thấy việc nghĩa to lớn, đáng phải làm mà sợ hãi không dám làm là kẻ vô dũng, con hiểu chưa?

– Thưa bố, con hiểu rồi ạ!

Đi về cánh đồng làng, cha tôi cho tôi cùng ngồi nghỉ dưới gốc cây bàng cổ thụ, tán tỏa rộng như cái lọng xanh che đài mục đồng.

Nơi đây, hằng năm, đến tháng mười âm lịch, sau khi thu hoạch xong vụ mười, trẻ mục đồng trong làng góp tiền sắm lễ tế Thần Nông.

Phải mời một cụ lão nông tri điền hoặc một nhà Nho làm chủ đài tế. Đài do mục đồng đắp bằng đất, cao ba cấp.

Ngồi dưới bóng cây mát rượi, cha tôi nhai trầu vè tư lự. Tôi hỏi người:

– Bố ơi, con nghe loáng thoáng bác Võ Mai nói thăm thì với bố, nhờ có quan án Niêm bí mật che chở